

Một số quan điểm triết học của Nguyễn Dữ trong tác phẩm *Truyện kỳ mạn lục* (*)

PGS, TS BÙI THỊ THANH HƯƠNG

Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Email: buithithanhhuong1806@gmail.com

Nhận ngày 25 tháng 3 năm 2020; chấp nhận đăng ngày 15 tháng 4 năm 2020.

Tóm tắt: Nguyễn Dữ là nhà tư tưởng Việt Nam thế kỷ XVI, ông để lại cho hậu thế tác phẩm nổi tiếng “Truyện kỳ mạn lục”. Thông qua các nhân vật trong tác phẩm, ông đã phê phán tình trạng xã hội lúc bấy giờ, thể hiện những khát vọng về lẽ sống, về đạo làm người, những suy nghĩ nhằm giải quyết các vấn đề của nhân sinh và xã hội. Tác phẩm cũng thể hiện nhiều suy tư triết học của Nguyễn Dữ, được đúc kết thành những quan niệm triết học phản ánh những nét chung nhất cho bức tranh tư tưởng xã hội Việt Nam thời kỳ thoái trào của vương triều Lê. “Truyện kỳ mạn lục” và những quan niệm triết học ẩn chứa trong đó góp phần làm phong phú và đặc sắc thêm triết học truyền thống Việt Nam.

Từ khóa: Nguyễn Dữ; *Truyện kỳ mạn lục*; triết lý; xã hội; nhân nghĩa; Việt Nam.

Abstract: Nguyen Du was a thinker of Vietnam in the 16th century and he bequeathed the famous Collection of Strange Tales to the following generations. Through the characters in the tales, he criticized the society of his time, expressed the aspirations for life and discussed the norms for human beings and the solutions for human and social problems. The book is the distilled expression of Nguyen Du's philosophical reflections, which were typical for the ideology landscape of Vietnam society in the decline of the Le dynasty. The Collection of Strange Tales and the embedded philosophical views contribute to the diversity and identify of Vietnam traditional philosophy.

Keywords: Nguyen Du, Collection of Strange Tales; philosophy; society; humanism; Vietnam.

Nguyễn Dữ là nhà tư tưởng Việt Nam thế kỷ XVI, ông sinh ra ở làng Đỗ Tùng, huyện Thường Tân (nay là Đỗ Lâm, Ninh Giang, Hải Dương). Năm sinh và năm mất của Nguyễn Dữ chưa được xác định chính xác, chỉ biết ông sống cùng thời với thầy học là Nguyễn Bình Khiêm (1491-1595), và bạn học là Phùng Khắc Khoan (1528-1613). Nguyễn Dữ để lại cho hậu thế tác phẩm *Truyện kỳ mạn lục* được coi là “thiên cổ kỳ bút”. Tác phẩm của ông chứa đựng những quan niệm triết học khá điển hình cho bức tranh tư tưởng xã hội

Việt Nam thời kỳ thoái trào của vương triều Lê.

Cuối thế kỷ XV đầu thế kỷ XVI, nhà Lê đi vào thời kỳ suy thoái, biểu hiện ở tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội. Nền sản xuất nông nghiệp không được chính quyền chăm lo, đê điều và các công trình thủy lợi ít được tu sửa, thiên tai nặng nề, tô thuế và lao dịch không ngừng tăng khiến đời sống nông dân bần cùng, điều đúng. Trong nội bộ giai cấp phong kiến thống trị, những cuộc chiến tranh giành quyền lực và địa vị diễn ra liên miên. Chỉ trong 24 năm (1503 -

1527) nhà Lê thay đổi sáu ông vua. Các vua nhà Lê thời gian này đều là những kẻ bất tài vô hạnh, sống xa hoa, trụy lạc⁽¹⁾, giới quan lại phần đông là lũ lâu la nịnh thần, bộ máy thống trị hủ bại, ruồng nát. Trong điều kiện đời sống khó khăn, chiến tranh loạn lạc, sống chết lúc nào không hay, các mối quan hệ giữa người với người ít nhiều bị tha hóa, con người dường như trở nên ích kỉ hơn, vụ lợi hơn, đạo đức của con người, những tôn ti trật tự, cương thường dần mai một. Xã hội Việt Nam vô cùng rối ren, nhân dân căm hận, đất nước suy yếu về mọi mặt.

Về đời sống tinh thần của xã hội, kế tiếp các thời kỳ lịch sử trước, tam giáo⁽²⁾ vẫn giữ vai trò chủ đạo. *Nho giáo* và những quan niệm “thiên mệnh”, “nhân”, “lễ”,... của hệ tư tưởng này là công cụ được giai cấp phong kiến sử dụng để xây dựng chính quyền, các chuẩn mực Nho giáo được lấy làm kỷ cương cho đời sống xã hội; *Phật giáo* với những quan niệm, triết lý dung dị hòa quyện với những quan niệm dân gian rất phổ biến trong xã hội. Trong thời thế khó khăn và điêu đảo, dân nghèo tìm tới đạo Phật để mong được cứu thoát khỏi cảnh khổ hiện tại, giai cấp thống trị cũng lo sợ trước những nguy cơ của chế độ phong kiến nên cũng trông mong vào sự giúp đỡ của thần, Phật; *Đạo*⁽³⁾ vẫn bền bỉ, theo cách thức riêng của mình len lỏi vào các góc ngách của xã hội. Đạo Lão Trang là nơi nhiều bậc học hành đỗ đạt nhưng không nhận làm quan với chính quyền tìm đến để lấy triết lý vô vi, an nhiên tự tại làm niềm an ủi. Nho, Phật, Đạo có xu hướng đan xen, thâm nhập lẫn nhau để cùng thỏa mãn nhu cầu tinh thần của xã hội.

Bên cạnh đó, tín ngưỡng bản địa cũng phát triển đa dạng, với việc thờ phụng nhiều vị thần. Thần linh có thể là đại diện của các hiện tượng tự nhiên mây, mưa, sấm, chớp, sông núi, cây cối...; cũng có thể là nhân thần: tổ tiên, anh hùng dân tộc, những người có công khai hoang lập ấp...

Tình trạng rối loạn, khủng hoảng của xã hội,

sự bất bình với thực tại là những nguyên nhân thôi thúc các nhà tư tưởng của thời đại sáng tác, luận bàn, đúc rút những nỗi niềm, tâm trạng của mình làm nên rất nhiều thành tựu văn hóa dân tộc. Nhiều tác phẩm lớn và giá trị phản ánh những cảnh ngộ éo le của con người, thể hiện những khát vọng về tình yêu, về lẽ sống, về đạo làm người, những khát vọng của xã hội, những chí hướng của các kẻ sĩ không gặp thời ra đời. Trong số các tác phẩm đó có *Truyện kỳ mạn lục* của Nguyễn Dữ.

Truyện kỳ mạn lục của Nguyễn Dữ gồm 20 truyện nửa hư nửa thực, ghi chép lại những chuyện kỳ lạ được người đời lưu truyền. Nhân vật chủ yếu trong các câu chuyện là những học trò, kẻ sĩ, quan lại. Có thể thấy Nguyễn Dữ đã gửi gắm những suy nghĩ, tâm trạng của chính mình vào tác phẩm, thông qua các nhân vật, ông phê phán tình trạng xã hội lúc bấy giờ, thể hiện những khát vọng về lẽ sống, về đạo làm người, những suy nghĩ nhằm giải quyết các vấn đề của nhân sinh và xã hội. Tác phẩm cũng thể hiện nhiều suy tư triết học của Nguyễn Dữ, những quan niệm đó phản ánh những nét chung nhất của bức tranh tư tưởng Việt Nam thế kỷ XVI. Có thể xem xét trên một số phương diện chính sau đây:

Thế giới quan và nhân sinh quan

Những câu chuyện kể lại trong *Truyện kỳ mạn lục* cho thấy rõ Nguyễn Dữ chịu ảnh hưởng của cả Nho, Phật, Đạo và những tư tưởng thần bí phổ biến trong xã hội đương thời. Cũng như hầu hết các nhà tư tưởng thời kỳ này, ông có khuynh hướng dung hòa giữa các học thuyết, sử dụng những nội dung đã có nhưng cũng cải biến nó ở một mức độ nhất định trong khi đưa ra quan niệm của mình.

Quan niệm về thế giới, nhân sinh của Nguyễn Dữ chủ yếu bắt nguồn từ Nho và Đạo giáo, trước hết là tư tưởng “Thiên mệnh”. Thiên mệnh là ý chí tối cao điều khiển thế giới, mọi thứ đều do trời, do số mệnh quy định. Theo Nguyễn Dữ: “Mệnh trời không thiên lệch”, “Phú quý không

thể cầu, nghèo cũng do tự số”, “Lưới trời thênh thang, thừa nhưng chẳng lọt”, v.v.. những quan niệm này hàm chứa trong hầu hết các truyện trong tác phẩm của ông.

Truyện ở đền Hạng Vương, trong cuộc đối đáp giữa Quan Thừa chi Hồ Tông Thốc với Hạng Vương, Hạng Vương khẳng định sự thất bại của mình chỉ “bởi Trời định mà thôi”. Truyện *Trà Đồng giáng sinh* kể về vị quan Dương Tạc luôn xử án công minh, được Ngọc Hoàng ban cho con trai nối dõi và 24 năm sống thêm, sau 24 năm đó, ông không bệnh mà chết; con trai ông lấy vợ, làm quan, gặp nạn,... đều không sai với “đạo trời công sáng” được báo từ trước. Nho sinh Phạm Tử Hư (truyện *Phạm Tử Hư lên chơi Thiên Tào*) thông minh hơn người, ngay thẳng, giữ lễ, tuy thế đi thi mãi vẫn không đỗ, chỉ đến khi 40 tuổi gặp được người thầy (đã mất) của mình mới biết nguyên nhân là vì có chút kiêu ngạo nên Thượng đế bắt đỗ đạt muộn; trong chuyện lên chơi Thiên Tào, khi ngồi ở cửa Thiên Đình, Phạm Tử Hư nghe thấy trên thành có tiếng hô là đã kén được vị Trạng nguyên họ Phạm cho kỳ thi tới, năm sau ông đi thi, quả nhiên đỗ Tiến sĩ. Ở *Truyện tướng Dạ Xoa*, Văn Dĩ Thành thường khuyên bạn Lê Ngộ của mình rằng: sự cùng hay đạt, giàu hay nghèo là bởi số phận mà thôi.

Ảnh hưởng của thuyết nhân - quả Phật giáo được thể hiện trong một số truyện, điển hình là truyện *Lý tướng quân*. Tướng quân Lý Hữu Chi mặc dù đánh giặc giỏi nhưng khi công đã nhiều, quyền đã cao, trở thành kẻ tham tiền hiếu sắc, ăn chơi dâm cuồng, khinh rẻ mạng người, dù đã được thầy tướng cảnh báo trước, nhưng hấn không đếm xỉa. Lý phải trả giá bằng những hình phạt khốc liệt sau khi chết. Cùng trong phiên tòa Diêm Vương xử hấn, có hai người hiền đức, khiêm nhường, luôn làm điều thiện được cho lên ở cõi tiên, hai kẻ khác ăn hối lộ và chiếm đoạt ruộng vườn của anh em bị xử giảm tuổi thọ, đầu thai làm kiếp nghèo khó.

Nhân nào quả ấy, nhân - quả không bỏ sót một

ai, “Lưới trời thênh thang, thừa nhưng chẳng lọt”, trong truyện *Phạm Tử Hư lên chơi Thiên Tào*, Dương Trạ là thầy dạy của Tử Hư, do lúc sống có bụng tốt, biết trọng chữ nghĩa của thánh hiền nên khi mất được Thượng đế bổ làm quan trông coi việc thi cử ở hạ giới, ông khẳng định với học trò Tử Hư rằng “người làm việc thiện, tuy đang còn sống, mà tên tuổi đã được ghi ở Đệ Đình; kẻ làm điều ác, không đợi đến chết, đã có bản án ở địa phủ”.

Tuy thế, Nguyễn Dữ cũng phản đối việc sùng chuộng ngày càng quá quất đối với Thần Phật. Truyện *Ngôi chùa hoang ở huyện Đông Triều* cho thấy thái độ này của ông: ở huyện Đông Triều, mặc dù việc thờ cúng Thần Phật rất thịnh hành, dân cư năng đi lễ chùa, miếu mong Thần Phật cứu giúp, tuy thế nạn trộm cắp vặt, nạn đàn bà con gái bị trêu ghẹo ngày càng hoành hành, cuộc sống của nhân dân trong huyện bị quấy phá ngày càng dữ, tình trạng này chỉ được khắc phục khi con người xô đổ tượng hộ pháp trong chùa hoang, phá hủy bức tượng Thủy thần trong miếu.

Nguyễn Dữ đặc biệt tâm đắc với quan niệm “thiên nhân cảm ứng” của Nho giáo và Đạo giáo, đem quan niệm đó hòa quyện với tư tưởng thần bí vốn sẵn có trong xã hội, ông đã ghi chép và sáng tạo, để lại những câu chuyện đậm tính chất liêu trai, thần tiên, quỷ quái. Trong các câu chuyện đó, bên cạnh những quan niệm thiên mệnh, nghiệp báo, nhân - quả, còn rất nhiều những quan niệm về cõi trời, cõi âm, về lưới trời, âm công, âm đức,... Chẳng hạn, quan niệm “có âm đức thì tất có dương báo”: trong truyện *Từ Thức lấy vợ tiên*, chàng Từ Thức được làm quan tri huyện là nhờ phúc âm của tổ tiên, do cảm thương và nhiệt thành giúp đỡ cô gái gặp nạn trong chùa nên đã được mời lên cõi tiên để trả ơn. Cũng với quan niệm ấy, trong truyện *Chức phán sự đền Tản Viên*, Ngô Tử Văn, một kẻ sỹ cương trực đã dám đốt ngôi đền mà một viên tướng phương Bắc chết trận chiếm lấy để gây hại cho dân, dù bị viên tướng giặc kiện tới Diêm Vương nhưng viên tướng giặc

thì bị Diêm Vương xét hỏi và tống vào ngục Cửu Ty, còn Từ Văn lại được nhận chức Phán sự ở đền Tán Viên, v.v..

Các câu chuyện của Nguyễn Dữ đều toát lên rằng, mọi người, mọi vật trên đời, từ những cây cỏ nhỏ bé cho đến cõi trời bao la đều có sự giao hòa, cảm ứng, tương thông,... truyện *Tây viên kỳ ngộ* nói về nho sinh Hà Nhân Giả thường xuyên vui vẻ với hai cô gái đẹp, mãi mê đến mức từ chối cả việc lấy vợ do cha mẹ sắp đặt, tuy nhiên các cô gái đó chỉ là hồn hoa, do hoa biến hóa thành; trong truyện *Người con gái Nam Xương*, chú tiên trong thủy cung cảm nhận được nỗi oan của nàng Vũ, đã cứu và rẽ đường nước cho nàng xuống Thủy cung sống. Trong truyện còn có nhân vật Phan Lang đã cứu sống con rùa vốn là vợ của Nam Hải Long Vương nên được bà Long Phi mời xuống Thủy cung để tạ ơn; Mao Tử Biên (*Truyện thơ ở Kim Hoa*) tình cờ được chứng kiến cuộc đàm đạo văn thơ của ba bậc cao niên ở ngôi nhà giữa đám cây cối, khi tỉnh dậy thì thấy mình đang nằm trên đám cỏ, giữa hai ngôi mộ của vợ chồng quan giáo thụ họ Phù,... Những câu chuyện hư - thực này trong “thiên cổ kỳ bút” của Nguyễn Dữ có ảnh hưởng khá lớn trong xã hội Việt Nam đương thời và nhiều thế kỷ sau này.

Tư tưởng yêu nước

Nguyễn Dữ chỉ làm quan một năm, sau đó ông dứt khoát từ bỏ và xa rời chính sự, kiên quyết đoạn tuyệt với chính quyền quá thối nát thời bấy giờ. Có lẽ ông không thể chịu được cảnh ngày ngày phải chứng kiến sự tham lam, đồi bại của giai cấp thống trị, ông không thể “ngồi chung chiếu” với giới quý tộc đầy rẫy thủ đoạn, bạo ngược với dân. Khí tiết của “bậc quân tử” khiến ông sẵn sàng chấp nhận cuộc sống bình thường như mọi người dân lao động chứ không thêm vào luôn ra cúi đầu yên ổn trong bộ máy quan lại.

Nhưng cũng như biết bao bậc trí thức yêu nước Việt Nam trong lịch sử, ông luôn nghĩ về tình cảnh đất nước, về cuộc sống khốn khó của dân chúng, luôn mong muốn có sự thay đổi theo

hướng tích cực, tốt đẹp cho xã hội và nhân dân. Ông có cách riêng của mình để chuyển tải những điều đó. Mặc dù không có truyện nào đề cập riêng đến lòng yêu nước, nhưng *Truyện kỳ mạn lục* đã khá thành công trong việc miêu tả nỗi thống khổ của nhân dân, phản ánh bộ mặt xấu xa của giới vua quan tàn bạo và thể hiện lý tưởng xã hội của bản thân tác giả. *Truyện tiều phu đối đáp ở núi Nưa* kể về một vị ẩn sĩ khi được vua nhà Hồ mời ra giúp, đã thẳng thắn vạch trần thói tham vor, hoang tàng, bất tài, hèn kém của vua quan nhà Hồ và dứt khoát không thêm “đắm mình vào trong cái triều đình trọc loạn đó”.

Nguyễn Dữ đã chứng kiến những cuộc chiến huynh đệ tương tàn, những cuộc chiến đê phé, lập liên miên đương thời, trong các câu chuyện của mình, ông thể hiện thái độ lên án hoặc không đồng tình với các cuộc chiến tranh. Dưới ngòi bút của ông, chiến tranh làm cho vợ phải xa chồng, mẹ già chết mà không thể đợi đến ngày con về, chiến tranh dẫn đến sự đổ vỡ, ly tán gia đình theo nhiều cách khác nhau. Nàng Vũ Thị Thiết trong *Người con gái Nam Xương* là nạn nhân của chiến tranh, ngay cả mẹ chồng của nàng, và ngay cả chàng Trương cũng là nạn nhân chiến tranh theo cách riêng của họ. Trong *Lệ Nương truyện*, Nguyễn Dữ dành niềm thương cảm cho nàng Lệ Nương và chàng Phật Sinh, Lệ Nương - cháu bên ngoại của danh tướng Trần Khát Chân bị bắt vào cung khi Trần Khát Chân bị Hồ Quý Ly trả thù, sau đó, để không bị tướng giặc Minh đưa sang đất Bắc, Lệ Nương đã quyền sinh khiến mối tình đẹp của nàng với chàng Phật Sinh mãi dang dở.

Cũng như mọi người dân Việt, ý thức về một dân tộc độc lập, có chủ quyền khá rõ ở Nguyễn Dữ. Theo một số nhà nghiên cứu, *Truyện kỳ mạn lục* có một số truyện về tình tiết và câu chữ mang bóng dáng truyện Trung Quốc⁽⁴⁾, nhưng phải khẳng định đây là tác phẩm thuần Việt, với những nhân vật có tên tuổi, địa chỉ cụ thể ở nhiều nơi trên đất nước Việt Nam, diễn ra trong những

thời gian có niên đại rõ ràng, gắn với bối cảnh lịch sử (thời Trần, thời Hồ...) của đất nước. Chẳng hạn Hồ Tông Thốc “vâng mệnh vua Trần” đi sứ sang phương Bắc (*Truyện ở đền Hạng Vương*); Dương Tạc là quan xử kiện “dưới triều Lý Huệ Tông” (truyện *Trà Đồng giáng sinh*); Quan soái “trần Lạng Giang thời nhà Trần” (*Truyện nàng Thúy Tiêu*), v.v.. Những tên người, tên đất Việt: Nghệ An, Thanh Hóa, Lạng Giang, Đông Triều, Khoái Châu,... được gắn với mỗi câu chuyện như khẳng định rõ ràng về chủ quyền, độc lập của dân tộc Việt Nam. Truyện *Phạm Tử Hư lên chơi Thiên Tào* lại thể hiện niềm tự hào về đất nước, con người Việt Nam theo một cách khác: Khi Tử Hư được thầy Dương Trạc cho đi tham quan các tòa ở Thiên Tào, tại tòa Nho thần, Tử Hư thấy hàng ngàn vị danh thần các thời như Tô Hiến Thành thời nhà Lý, Chu Văn An triều nhà Trần,... sánh ngang các vị danh thần nhà Hán, nhà Đường.

Đồng thời, trong mối quan hệ với phương Bắc, *tính chính nghĩa* của dân tộc Việt là một thế mạnh và Nguyễn Dữ đã truyền bá mạnh mẽ tư tưởng đó trong tác phẩm của ông. Nhân vật Ngô Tử Văn trong *Chức phán sự đền Tản Viên* là một trí thức khảng khái, dũng cảm, cương trực của nước Việt, quyết tâm đấu tranh triệt để với cái xấu, cái ác. Thế lực đối lập với Ngô Tử Văn là hồn ma tên tướng giặc phương Bắc bại trận. Ngô Tử Văn đã phải trải qua những hoàn cảnh hết sức cam go, nhưng ngay cả khi đứng trước Diêm Vương, chàng vẫn đánh thép vạch tội tướng giặc, bảo vệ công lý. Chiến thắng của Ngô Tử Văn là chiến thắng của công lý, của cái chính, của lẽ phải. Tướng giặc thua mặc dù hết sức gian manh, xảo quyệt. Ở *Lệ Nương truyện*, chàng Phật Sinh được tình yêu với Lệ Nương cô vũ, đã trở thành người có công lớn đánh thắng giặc ở phủ Thiên Trường, Xương Giang. Khi Lê Lợi dấy binh, chàng đã đem quân theo nghĩa quân Lam Sơn chống giặc Minh.

Những câu chuyện của Nguyễn Dữ khẳng

định tính chính nghĩa của dân tộc Việt Nam trong các cuộc chiến với quân xâm lược phương Bắc, thể hiện ý chí tự tôn dân tộc, thể hiện quan niệm về chủ quyền dân tộc và niềm tự hào về đất nước, con người Việt Nam. Tư tưởng về dân tộc độc lập có chủ quyền, lòng yêu quê hương thiết tha, sự cảm thông với những số phận, những con người còn được thể hiện trong nhiều câu chuyện khác của ông.

Quan điểm chính trị - xã hội

Nguyễn Dữ chủ trương trị nước bằng vương đạo (nhân nghĩa và đức trị). Tư tưởng đức trị của Nguyễn Dữ vừa là sự kế thừa các giá trị nhân nghĩa của người Việt, nhưng vừa mang dấu ấn của đạo Nho, có dung nạp cả những giá trị của Phật giáo.

Dấu ấn Nho Khổng - Mạnh hiện rõ, dưới hình thức đã được “Việt hóa” trong *Truyện tướng Dạ Xoa*, kể về kẻ sỹ ở Quốc Oai là Văn Di Thành khảng khái, cương trực đến ma quỷ cũng phải kính nể và tôn làm thủ lĩnh. Văn Di Thành không sử dụng bạo lực, cũng không xử phạt, chỉ “lấy lời hơn lẽ thiệt khuyên bảo” mà lũ quỷ nhất mực nghe lời và làm theo. Rõ ràng “tiếng lòng” của Nguyễn Dữ ở đây là: người cầm quyền nếu ngay ngắn, giữ được uy nghiêm thì chỉ cần ban bố hiệu lệnh, mọi luật lệ, cương thường sẽ tự được thực hiện. Mượn cuộc đối đáp giữa Hạng Vương và Hồ Tông Thốc trong *Truyện ở đền Hạng Vương*, Nguyễn Dữ bộc lộ quan niệm của ông về đạo trị nước. Theo đó, Hạng Vương “giữ thiên hạ bằng việc làm nhân nghĩa”, khi tiến hành mọi việc luôn nghĩ đến bảo toàn mạng sống, lợi ích cho binh lính và dân thường nên đã thu phục được nhân tâm, khiến cho bề tôi, người thân một lòng tận trung, tận tiết ngay cả khi Hạng Vương sa cơ, thất thế.

Với Nguyễn Dữ, người nho sỹ (trí thức) là những người quan trọng trong xã hội, phải biết tu thân, tự rèn luyện mình để rồi ra trị quốc. Theo ông, tu thân vừa phải miệt mài kinh sử, vừa phải sống sao cho thiện, lo làm việc thiện và biết yêu thương người khác, sống nhân hậu, tôn trọng người khác, sẵn sàng giúp người khi hoạn nạn.

Ngòi bút của Nguyễn Dữ dành sự trân trọng cho những nhân vật đó. Chẳng hạn Văn Dĩ Thành (*Truyện tướng Dạ Xoa*) dưng cảm xông vào tận sào huyệt của lũ quý để khuyên bảo chúng đừng quấy nhiễu con người nữa, Dĩ Thành luôn tâm niệm: cái đáng quý của kẻ sỹ là giữ lòng trong sạch ngay thẳng; Văn Tự Lập là quan huyện Đông Triều, quyết tâm trừ tà cứu dân và đã thẳng được tà ma, khiến cho nhân dân được hưởng cuộc sống bình an (*truyện Ngòi chùa hoang ở huyện Đông Triều*)...

Như vậy, trong quan niệm của Nguyễn Dữ, đường lối trị nước vừa bao gồm những vấn đề có tính chất chính trị, vừa bao gồm những vấn đề có tính chất đạo đức, trong đó đạo đức là cơ sở để thực hiện chính trị. Để trị nước, trước hết phải thấu hiểu lòng người, phải cốt làm sao cho *được lòng dân*. Vua phải có trách nhiệm đối với bề tôi, kẻ trên có trách nhiệm đối với người dưới. Có thể xem đây là một điểm sáng trong tư tưởng chính trị của Nguyễn Dữ, nhất là trong bối cảnh loạn lạc, cương thường đảo lộn thời ông.

Mặc dù thấy rõ sự tung hoành của cái ác, cái xấu trong xã hội đương thời, nhưng Nguyễn Dữ vẫn nhìn thấy những cái tốt, tình cảm yêu thương nhân ái giữa người với người và ca ngợi những phẩm chất đó. Thế giới trong các câu chuyện của Nguyễn Dữ mặc dù vừa hư vừa thực, vừa có người, vừa có thần, nhưng mỗi nhân vật lại gắn với một địa chỉ cụ thể, một tên tuổi cụ thể để qua đó, hiện rõ một thế giới thật hết sức sống động, đó là xã hội hiện thực. Xã hội ấy mặc dù nhiều kẻ quyền thế độc ác, nhiều thế lực xấu, nhưng rồi những chính nghĩa, những phẩm cách lương thiện, trung thực, những tình yêu, tình bạn thủy chung vẫn vượt lên và nổi trội. Trong nhiều câu chuyện, các nhân vật Nhuận Chi (*Truyện nàng Thúy Tiêu*), Phạm Tử Hư (*Phạm Tử Hư lên chơi Thiên Tào*), Thiên Tích (*Truyện Trà Đông giáng sinh*), vợ chồng quan Thái thú họ Trịnh (*Truyện kiện tụng chốn Long cung*),... trải qua quá trình khó khăn, phải đấu tranh với cái ác, cái xấu

nhưng họ vẫn vượt lên học hành, đỗ đạt, sum họp và hạnh phúc.

Có thể nói trong mỗi câu chuyện của *Truyện kỳ mạn lục* đều toát lên tư tưởng yêu nước, đồng cảm với người dân lao động, căm ghét cường quyền. Nhiều nhân vật trong truyện của ông là những trí thức gần gũi với nhân dân, họ là những người khảng khái, cương trực, dám đương đầu với cái ác, kể cả những thế lực đen tối để bảo vệ cuộc sống yên lành của người dân lao động. Ngô Tử Văn, Dương Tạc, Nhuận Chi, Dĩ Thành v.v.. trong tác phẩm đều là những kẻ sỹ như vậy. Mẫu nhân vật nhiều thứ hai trong các truyện của Nguyễn Dữ là những người phụ nữ tài sắc nhưng bất hạnh. Nàng Vũ Thị Thiết, nàng Hán Anh, nàng Nhị Khanh v.v. là những phụ nữ công - dung - ngôn - hạnh điển hình, ông đã dành cho họ sự cảm thông, thương xót, trân trọng, điều hiếm hoi trong một xã hội đề cao lễ giáo phong kiến thời bấy giờ.

Mượn những câu chuyện khác nhau để gửi gắm những tư tưởng của mình, Nguyễn Dữ thể hiện mong muốn về một xã hội mà trong đó, mọi người được sống trong nền đức trị, trong sự công bằng, cái ác, cái tà bị vạch trần, bị trừng trị và cái thiện, cái chính được ca ngợi, chiến thắng.

Truyện kỳ mạn lục và những quan niệm triết học ẩn chứa trong đó góp phần làm phong phú và đặc sắc thêm triết học truyền thống Việt Nam. Tác phẩm cho thấy rằng dù có sự kế thừa những quan niệm, tư tưởng, nội dung của triết học bên ngoài, nhưng các nhà tư tưởng của dân tộc, trong đó có Nguyễn Dữ, đã mềm dẻo, uyển chuyển “tiếp biến”, bổ sung, sáng tạo để tạo ra các giá trị triết học đậm đà bản sắc, cốt cách Việt Nam./.

(* Tác phẩm được trích dẫn trong bài viết là *Truyện kỳ mạn lục* giải âm, Nxb. Khoa học xã hội, 2018.

(1) Diễn hình là “vua lợn” (vua Lê Tương Dực), “vua quý” (vua Lê Uy Mục).

(2) Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo.

(3) Bao gồm cả hai nhánh đạo giáo và đạo Lão Trang.

(4) Diễn hình là tác phẩm *Tiên đăng tân thoại* của Cù Hựu (1347-1433).